

**SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO**

**HỒ SƠ CÔNG BỐ CƠ SỞ
KCB ĐÁP ỨNG YÊU CẦU LÀ CƠ SỞ THỰC HÀNH
TRONG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE**

Hải Phòng, Năm 2020

Số: 01 /CV-BVAL

Hải phòng, ngày 02 tháng 01 năm 2020

V/v công bố Bệnh Đa khoa Huyện An Lão là cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa Huyện An Lão.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Số 02/2015/GPHĐ-BV của Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 27/11/2015.

Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi - Thị trấn An Lão - Huyện An Lão - Thành phố Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSKII Vũ Văn Vui

Điện thoại liên hệ: 02253.872478 Email: benhviendakhoaanlao@gmail.com

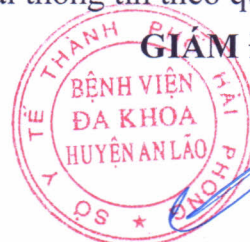
Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 2).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 3)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bản công bố này thay thế cho bản công bố số 04/BVAL ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./. 



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
BSCK II. Vũ Văn Vui

Phụ
O TẠO THỰC H
(Tại một

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/Đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ Ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7720101	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Nội cơ sở, nội bệnh lý, thực hành lâm sàng; Kỹ thuật điều dưỡng	Thăm khám bệnh, triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán và xử trí, điều trị bệnh, thực hành lâm sàng.	Khoa HSCC	03	03	30	12	36	0	30
				Bệnh học Nội khoa; Kỹ thuật điều dưỡng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, nội tiết, cơ xương khớp, tiết niệu, thực hành lâm sàng	Khoa Nội	02	02	20	8	24	0	20
					Chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, nội tiết, cơ xương khớp, tiết niệu, thực hành lâm sàng	Khoa Khám bệnh	01	02	20	10	30	0	30
						Cơ sở 2	01						

1	7720101	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Ngoại khoa	Chẩn đoán và điều trị về chuyên khoa cấp cứu, chấn thương chỉnh hình, bỏng, hô hấp, tim mạch, ngoại thần kinh, tiêu hóa, thận, tiết niệu.	Khoa Ngoại	01	01	10	6	18	0	10
				Nhi khoa	Chẩn đoán và xử trí các bệnh thường gặp ở TE và các bệnh cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em	Khoa Nhi	01	01	10	6	18	0	10
				Truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm.	Khoa Truyền nhiễm	01	01	10	6	18	0	10
				Mắt	Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường.	Khoa mắt	01	01	10	6	18	0	10
				Sân cơ sở, sản bệnh lý; Thực hành lâm sàng điều dưỡng.	Thăm khám bệnh, triệu chứng và đưa ra phương pháp chẩn đoán và xử trí, điều trị bệnh; Thực hành lâm sàng	Khoa Sản	01	01	10	6	18	0	10

2	7720501	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Răng - Hàm - Mặt	Chẩn đoán và xử trí các bệnh RHM thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương RHM cấp cứu.	Khoa LCK	03	03	30	12	36	0	30
3	7720115	Đại học	Y khoa (đa khoa)	YHCT	Kết hợp y học hiện đại và YHC trong chẩn đoán, sử dụng thủ thuật châm cứu xoa bóp bấm huyệt, thủy châm điều trị một số bệnh thường gặp. Kỹ thuật cơ bản trong PHCN: vận động trị liệu, giao tiếp và sử dụng các dụng cụ PHCN.	Khoa YHCT	01	01	10	6	18	0	10
4	7720201	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Dược lâm sàng, dược lý	Thực hành chuyên ngành về quản lý và cung ứng thuốc.	Khoa dược	01	01	10			0	10
5	7720601	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Kỹ thuật Y học	Thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực huyết học - truyền máu, hóa sinh, vi sinh.	Khoa Cận lâm sàng	02	02	20			0	20

II. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/Đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ Ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSNB cấp cứu và chăm sóc tích cực	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình CSNB trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch	Khoa HSCC	01	01	15	6	18	0	15
				Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS nội khoa (các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội) - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Nội	01	01	15	6	18	0	15
					Thực hiện các kỹ thuật và QTCS nội khoa (các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội) - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Khám bệnh	01	02	30	10	30	0	30
						Cơ sở 2	01						

1	672301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS ngoại khoa (các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại) - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Ngoại	01	01	15	6	18	0	15
				Chăm sóc sức khỏe trẻ em - sơ sinh	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS nhi khoa - sơ sinh (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CS trẻ nhi - sơ sinh)	Khoa Nhi	01	01	15	6	18	0	15
				Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh truyền nhiễm	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS Truyền nhiễm - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Truyền nhiễm	01	01	15	6	18	0	15
				Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Mắt	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS Mắt - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa mắt	01	01	15	6	18	0	15
				Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh RHM	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS bệnh RHM - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa LCK	01	01	15	6	18	0	15

				Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh YHCT	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS YHCT- lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa YHCT	01	01	15	6	18	0	15
2	6720303	Cao đẳng	Nữ hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe Sản phụ khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS sản phụ khoa - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Sản	01	01	15	6	18	0	15

III. ĐÀO TẠO TRUNG CẤP

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/Đơn vị thực hành	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ Ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo g/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	5720101	Trung cấp	Y sỹ	Chăm sóc người bệnh nội khoa	Thực hành lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh nội khoa	Khoa Nội	01	01	15	6	18	0	15
				Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Thực hành lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại	01	01	15	6	18	0	15
2	5720301	Trung cấp	Điều dưỡng	Kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân	Thực hành lâm sàng , kỹ thuật điều dưỡng	Khoa Nội	01	01	15	6	18	0	15
						Khoa Ngoại	01	01	15	6	18	0	15
						Khoa Nhi	01	01	15	6	18	0	15
						Khoa Sản	01	01	15	6	18	0	15

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY, KHOA, GIỜ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HÀNH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị: Chuyên khoa/nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giờ giảng dạy yêu cầu thực hành
1	Vũ Văn Vui	BSCKII	Nội khoa	002183/HP-CCHN	KCB Nội khoa	23	Nội cơ sở, nội bệnh lý, thực hành lâm sàng; Kỹ thuật điều dưỡng	Thăm khám bệnh, triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán và xử trí, điều trị bệnh, thực hành lâm sàng.	Khoa HSCC	12
2	Phạm Đình Phô	BSCKI	Nội khoa	002736/HP-CCHN	KCB Nội khoa	25				
3	Đồng Tiến Giang	BSCKI	Nội khoa, HSCC	005864/HP-CCHN	KCB Nội khoa	13				
4	Phạm Xuân Thịnh	BSCKI	Nội khoa	001414/HP-CCHN	KCB Nội khoa	14	Bệnh học Nội khoa; Kỹ thuật điều dưỡng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, nội tiết, cơ xương khớp, tiết niệu, thực hành lâm sàng	Khoa Nội	8
5	Mạc Thị Đỗ Đoan	BSCKI	Nội khoa	005851/HP-CCHN	KCB Nội khoa	17				
6	Nguyễn Thị Hồng Huế	BSCKI	Nội khoa	000860/HP-CCHN	KCB Nội khoa	22			Khám bệnh	10
7	Trần Quốc Bốn	Bác sỹ	Nội khoa	000111/HP-CCHN	KCB Nội khoa	23			Cơ sở 2 Mỹ Đức	

8	Đinh Trọng Du	BSCKI	Ngoại khoa	002177/HP-CCHN	KCB Ngoại khoa	15	Bệnh học Ngoại khoa	Chẩn đoán và điều trị về chuyên khoa cấp cứu, chấn thương chỉnh hình, bỏng, hô hấp, tim mạch, ngoại thần kinh, tiêu hóa, thận, tiết niệu, thực hành lâm sàng	Ngoại	6
9	Nguyễn Thị Mai Quế	BSCKI	Sản khoa	002200/HP-CCHN	KCB Sản khoa	17	Sản cơ sở, sản bệnh lý; Thực hành lâm sàng điều dưỡng	Thăm khám bệnh, triệu chứng và đưa ra phương pháp chẩn đoán và xử trí, điều trị bệnh; Thực hành lâm sàng	Sản	6
10	Nguyễn Thị Phiến	BSCKI	Nhi khoa	000322/HP-CCHN	KCB Nhi khoa	20	Bệnh học Nhi khoa	Chẩn đoán và xử trí các bệnh thường gặp ở TE và các bệnh cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em	Nhi	6
11	Chu Mạnh Cường	BSCKI	Mắt	005861/HP-CCHN	KCB Mắt	5	Bệnh học Mắt	Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường.	Mắt	6
12	Cao Trung Dũng	BSCKII	TMH, RHM	002196/HP-CCHN	KCB TMH, RHM	17	Bệnh học RHM	Chẩn đoán và xử trí các bệnh RHM thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương RHM cấp cứu.	LCK	12
13	Trần Minh Đức	BSCKI	RHM	005422/HP-CCHN	KCB RHM	14				
14	Ngô Thị Hiên	BSCKI	RHM	006510/HP-CCHN	KCB RHM	13				

15	Hoàng Tuấn Tiến	BSCKI	Nội khoa	001931/HP-CCHN	Nội khoa, YHCT	12	Bệnh học YHCT	Kết hợp y học hiện đại và YHC trong chẩn đoán, sử dụng thủ thuật châm cứu xoa bóp bấm huyệt, thủy châm điều trị một số bệnh thường gặp. Kỹ thuật cơ bản trong PHCN: vận động trị liệu, giao tiếp và sử dụng các dụng cụ PHCN.	Khoa YHCT	6
16	Nguyễn Thị Thủy	BSCKI	Nội khoa	002204/HP-CCHN	KCB bệnh Truyền nhiễm	17	Bệnh học truyền nhiễm	Chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm.	Truyền nhiễm	6
17	Phạm Thị Hòe	BSCKI	Chẩn đoán HA	001932/HP-CCHN	Chẩn đoán HA	13	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh.	Cận lâm sàng	
18	Nguyễn Văn Dương	BSCKI	CDHA	009582/HP-CCHN	CDHA	5				
19	Đào Bá Quý	DSCKI	Dược	634/HP - CCHND	Dược	28	Dược lâm sàng	Thực hành chuyên ngành về quản lý và cung ứng thuốc.	Dược	
20	Lê Thị Thu Hiền	ĐD đại học	Điều dưỡng	001906/HP-CCHN	Điều dưỡng	14	Chăm sóc NB Nội khoa, HSCC	Thực hiện các kỹ thuật và quy trình CSNB trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh	Khoa HSCC	6

21	Vũ Thị Giang	ĐD đại học	Điều dưỡng	002735/HP-CCHN	Điều dưỡng	13	Chăm sóc NB Nội khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS nội khoa (các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội) - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Nội	8
22	Vũ Bá Tứ	ĐDCĐ	Điều dưỡng	002757/HP-CCHN	Điều dưỡng	33				
23	Đỗ Thị Hồng Phê	BSCKI	Nội khoa	001912/HP-CCHN	KCB Nội khoa	13	Bệnh học Nội khoa; Kỹ thuật điều dưỡng	Chẩn đoán và điều trị các bệnh chuyên khoa Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, nội tiết, cơ xương khớp, tiết niệu, thực hành lâm sàng		
24	Lương Thị Việt Hà	ĐD đại học	Điều dưỡng	002729/HP-CCHN	Điều dưỡng	14	Chăm sóc NB Nội khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS nội khoa (các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội) - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa khám bệnh	10
25	Vũ Thị Luyến	ĐD đại học	Điều dưỡng	001939/HP-CCHN	Điều dưỡng	24			Cơ sở 2	
26	Trịnh Thị Châu Loan	ĐD đại học	Điều dưỡng	001920/HP-CCHN	Điều dưỡng	21	Chăm sóc NB ngoại khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS ngoại khoa (các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại) - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Khoa Ngoại	6
27	Nguyễn Thị Nga	ĐD đại học	Điều dưỡng	001949/HP-CCHN	Điều dưỡng	10				
28	Dương Thị Mai Hoa	ĐD đại học	Điều dưỡng	001947/HP-CCHN	Điều dưỡng	15				

29	Phạm Thị Vân	BSCKI	Sản khoa	000828/HP-CCHN	KCB Sản khoa	13	Sản cơ sở, sản bệnh lý; Thực hành lâm sàng điều dưỡng	Thăm khám bệnh, triệu chứng và đưa ra phương pháp chẩn đoán và xử trí, điều trị bệnh; Thực hành lâm sàng	Khoa Sản	6
30	Ngô Thị Oanh	Hộ sinh đại học	Hộ sinh	001964/HP-CCHN	Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa	21	Chăm sóc sản phụ khoa	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS sản phụ khoa - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.		
31	Phùng Thị Phương Thảo	ĐD đại học	Điều dưỡng	002318/HP-CCHN	Điều dưỡng	15	Chăm sóc NB CK YHCT	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS YHCT- lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	YHCT	6
32	Nguyễn Thị Thanh Tâm	ĐDCĐ	Điều dưỡng	002203/HP-CCHN	Điều dưỡng	21	Chăm sóc trẻ em - trẻ sơ sinh	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS nhi khoa - sơ sinh (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CS trẻ nhi - sơ sinh)	Khoa Nhi	6
33	Lương Thị Thanh Hòa	ĐDCĐ	Điều dưỡng	001957/HP-CCHN	Điều dưỡng	13				
34	Nguyễn Thị Liên	ĐD đại học	Điều dưỡng	001910/HP-CCHN	Điều dưỡng	9	Chăm sóc NB CK Mắt	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS Mắt - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Mắt	6
35	Lê Thị Cúc	ĐD đại học	Điều dưỡng	002178/HP-CCHN	Điều dưỡng	13	Chăm sóc NB - RHM	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS bệnh TMH-RHM - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	LCK	6
36	Phan Thu Anh	ĐD đại học	Điều dưỡng	002749/HP-CCHN	Điều dưỡng	8	Chăm sóc NB truyền nhiễm	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS Truyền nhiễm - lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB.	Truyền nhiễm	6



Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy tự động sinh hóa	Cái	03	
2	Máy phân tích điện giải 3 thông số	Cái	01	
3	Máy huyết học tự động Bc-3000plus	Cái	04	
4	Máy phân tích nước tiểu Clinitek satus	Cái	03	
5	Tủ an toàn sinh học	Cái	01	
6	Máy X quang kỹ thuật số DR	Cái	03	
7	Máy chụp XQ răng	Cái	02	
8	Đèn đọc phim XQ	Cái	02	
9	Máy siêu âm màu 4D	Cái	03	
10	Máy siêu âm màu đen trắng	Cái	02	
11	Máy Nội soi Tai - Mũi - Họng	Cái	02	
12	Hệ thống máy nội soi DD - TT	Cái	01	
13	Máy điện tim 3 cần	Cái	05	
14	Máy ly tâm	Cái	02	
15	Máy ủ ấm	Cái	01	
16	Dây truyền lạnh	Cái	01	



17	Máy mổ Nội soi Tai- Mũi- Họng	Cái	01	
18	Máy monitor LIFF SCOPE	Cái	06	
19	Moritor sản khoa	Cái	05	
20	Máy thở	Cái	02	
21	Máy gây mê kèm thở	Cái	01	
22	Máy cắt đốt cao tần	Cái	02	
23	Máy khoan điện	Cái	02	
24	Sinh hiển vi phẫu thuật mắt	Cái	01	
25	Kính sinh hiển vi khám mắt	Cái	01	
26	Kính hiển vi	Cái	3	
27	Máy soi cổ tử cung	Cái	01	
28	Máy nén khí SHUPAR	Cái	02	
29	Máy hút dịch	Cái	14	
30	Máy hút âm DA	Cái	05	
31	Máy đo đường huyết	Cái	05	
32	Máy sắc thuốc	Cái	03	
33	Máy điện châm	Cái	28	
34	Máy kéo dẫn cột sống	Cái	01	
35	Máy tập 5 chức năng	Cái	02	
36	Máy tập 3 chức năng	Cái	1	
37	Máy vận động khớp	Cái	01	
38	Máy điện phân dẫn thuốc	Cái	03	
39	Máy điện xung, siêu âm điều trị	Cái	02	

40	Máy xoa bóp cá mập	Cái	05	
41	Đèn hồng ngoại	Cái	09	
42	Đèn chiếu vàng da	Cái	04	
43	Lồng ấp sơ sinh	Cái	02	
44	Đèn tiểu phẫu	Cái	05	
45	Bàn tiểu phẫu	Cái	04	
46	Bàn mổ	Cái	04	
47	Bàn tít dụng cụ	Cái	06	
48	Bàn khám sản	Cái	04	
49	Bàn đẻ	Cái	03	
50	Bàn đón bé sơ sinh	Cái	03	
51	Đèn soi rau	Cái	01	
52	Đèn gù ánh sáng lạnh	Cái	01	
53	Ghế nha khoa ST-D302	Cái	02	
54	Bơm tiêm điện	Cái	05	
55	Máy truyền dịch	Cái	05	
56	Máy khí dung	Cái	15	
57	Máy sưởi điện	Cái	20	
58	Bảng đo thị lực mắt	Cái	03	
59	Bộ kính thử thị lực	Cái	02	
60	Đèn soi đáy mắt	Cái	02	
61	Bộ dụng cụ đặt Nội khí quản (người lớn + Trẻ em)	Bộ	10	
62	Xe tiêm	Cái	40	



63	Hộp chống shock	Hộp	30	
64	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	100	
65	Ống nghe	Cái	50	
66	Huyết áp	Cái	50	
67	Tủ sấy khô	Cái	05	
68	Tủ hút vô trùng	Cái	02	
69	Nồi luộc dụng cụ	Cái	03	
70	Nồi hấp dụng cụ	Cái	06	
71	Máy giặt	Cái	06	
72	Xe đẩy cáng	Cái	5	
73	Xe đẩy ngời	Cái	10	
74	Cáng vận chuyển bệnh nhân	Cái	3	
75	Hội trường giảng dạy	Cái	01	
76	Dàn loa âm thanh	Cái	01	
77	Internet tốc độ cao	Hệ thống	01	
78	Máy chiếu	Cái	01	
79	Máy tính	Cái	02	
80	Bảng trắng	Cái	02	
81	Quầy thuốc	Cái	02	
82	Kho thuốc	Cái	05	